

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn và con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ba.

2. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/8/2022 tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2022/TLST – HNGĐ ngày 04/5/2022 về “Tranh chấp ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2022/QĐXXST– HNGĐ ngày 21/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2022/QĐST – HNGĐ ngày 10/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Tổ A, Ấp B, xã PB, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Đình Trung H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: C, Tổ D, Ấp E, xã TH, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Chị T có mặt; anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đình Trung H kết hôn với nhau năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2019 tới nay. Hiện chị không còn tình cảm gì với anh H nên làm đơn xin Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Chị đã suy nghĩ rất kỹ nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết sớm.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Đinh Thị Ái V, sinh ngày 28/11/2013. Ly hôn, chị đồng ý giao cháu V cho anh H nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

** Quá trình giải quyết vụ án, anh Đinh Trung H vắng mặt nên không có lời khai.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, về việc xác minh, T tập các tài liệu chứng cứ vụ án và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đều được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh H được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án chấp nhận đơn ly hôn của chị T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Đinh Thị Ái V, sinh ngày 28/11/2013 cho anh H nuôi dưỡng, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng nên đề nghị ghi nhận.

Về tài sản chung: không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Đinh Trung H có hộ khẩu thường trú và hiện vẫn đang cư trú tại xã TH, huyện LT, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Chị Huỳnh Thị T khởi kiện xin được ly hôn với anh Đinh Trung H và giải quyết vấn đề con chung. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Long Thành căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ là “Tranh chấp ly hôn và con chung”.

- Anh Đinh Trung H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập xét xử đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Long Thành vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị T và anh Đinh Trung H tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2013 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên chị T xin được ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Đinh Trung H đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tiến hành xác minh mâu thuẫn tại địa phương nhưng địa phương không biết do đương sự không trình báo.

Tuy nhiên, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Đinh Trung H vẫn vắng mặt. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H là có thật, anh H cũng không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình nữa. Chị T và anh H đã sống ly thân từ tháng 12/2019 tới nay, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nếu có tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Đinh Trung H là phù hợp.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Đinh Thị Ái V, sinh ngày 28/11/2013.

Sau khi ly hôn, chị T đồng ý giao cháu V cho anh H nuôi dưỡng, chị T tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000/tháng kể từ tháng 09/2022. Qua làm việc với cháu V, cháu đã sống cùng với anh H từ khi cha mẹ ly thân đến nay, hiện cháu vẫn có nguyện vọng được sống cùng với anh H. Vì vậy, giao cháu V cho anh H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000/tháng kể từ tháng 09/2022 cho đến khi cháu V trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, do chưa có ý kiến trình bày của anh H nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí HNGĐ - ST: Chị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, 300.000đ án phí cấp dưỡng theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 203, 220, 235, 264, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Huỳnh Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị T được ly hôn với anh Đinh Trung H.

Về con chung: có 01 con chung tên Đinh Thị Ái V, sinh ngày 28/11/2013.

Giao cháu V cho anh H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000/tháng kể từ tháng 09/2022 cho đến khi cháu V trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí HNGĐ – ST: Chị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành theo biên lai T số 0005670 ngày 29/4/2022. Chị T còn phải nộp 300.000đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự H. Long Thành;
- VKS H. Long Thành;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Đình Trung